

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HC-ST

Ngày: 17/01/2022

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh
vực đất đai thuộc trường hợp bồi
thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng,
tái định cư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thụy Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phan Ngọc Huệ

2/ Ông Phạm Hiếu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chê Hua – Thư ký Tòa án nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2021 và ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý
số 100/2020/TLST-HC ngày 30 tháng 3 năm 2020, về việc “Khiếu kiện quyết định
hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi
thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
4537/2021/QĐXXST-HC ngày 30 tháng 11 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng
phiên tòa số 11938/2021/QĐHC-ST, ngày 23 tháng 12 năm 2021, giữa các đương
sự:

1. Người khởi kiện: Ông Tô Đ, mất năm: 2018

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Bà Kiều Thị Minh P, sinh năm: 1938

- Ông Tô H, sinh năm: 1974

Cùng địa chỉ: 860/99 đường X, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Đăng K, theo Giấy ủy quyền số 006102 quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/7/2020 tại Văn phòng Công chứng N. (Có mặt)

Địa chỉ: 514/32/24 đường L, Phường Z, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 86 đường T, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H: Ông Phan Ngọc Anh H – Trưởng ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận B; theo Giấy yêu cầu số 1698/UBND-NCPC ngày 26/5/2021. (Có mặt)

2.2 Ủy ban nhân dân quận B

2.3 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B

Địa chỉ: 06 đường P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B: Ông Hồ P- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Ủy ban nhân dân quận B:

- Ông Phan Ngọc Anh H – Trưởng ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận B; theo Giấy yêu cầu số 2539/UBND-BTGPMB ngày 21/7/2021. (Có mặt)

- Bà Trần Thị H – Chuyên viên Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận B; theo Giấy yêu cầu số 2539/UBND-BTGPMB ngày 21/7/2021. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện ông Tô Đ (do ông Phạm Đăng K đại diện ủy quyền) trình bày:

Ngày 07/02/2006, Ủy ban nhân dân quận B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tô Đ và bà Kiều Thị Minh P với diện tích 213,1m² đất thuộc thửa số 6, Tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ số 860/99 đường X, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07/9/2007, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 6300/QĐ-UBND về thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc dự án chống sạt lở kênh Thanh Đa, đoạn 1.1 từ hạ lưu cầu Kinh đến doanh trại quân đội, Phường E, quận B: Trong đó có 38,5 m² diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông Tô H, bà Kiều Thị Minh P đã được cấp giấy chứng nhận.

Ngày 07/12/2007, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 8331/QĐ-UBND về việc hỗ trợ và giải phóng mặt bằng 1 phần đối với Căn nhà số 860/99 đường X, Phường E, quận B của ông Tô Đ và bà Kiều Thị Minh P (sau

đây viết tắt là Quyết định số 8331). Ông Tô Đ khiếu nại Quyết định số 8331 và yêu cầu được tính bồi thường phần diện tích đất bị thu hồi.

Ngày 31/7/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 5274/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của Tô Đ với nội dung giữ nguyên Quyết định số 8331 (sau đây viết tắt là Quyết định 5274). Không đồng ý, ông Đ tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Ngày 15/12/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 6377/QĐ-UBND, với nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 5274 (sau đây viết tắt là Quyết định 6377).

Đồng thời, ngày 09/4/2012 Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 2283/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04404 ngày 07/02/2006. Ngày 08/8/2012, Chủ tịch UBND Quận B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 5439/QĐ-UBND: Không chấp nhận khiếu nại của ông Tô Đ. Ngày 21/4/2015, Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 1874/QĐ-UBND: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 5439/QĐ-UBND ngày 08/8/2012.

Ngày 16/11/2018, Tòa Án nhân dân Cấp cao tại Thành phố H đã tiến hành xét xử phúc thẩm và ban hành Bản án số: 474/2018/HC-PT, tuyên xử: Hủy các Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 09/4/2012 của UBND quận B về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04404 ngày 07/02/2006 của UBND quận B; Quyết định giải quyết khiếu nại số 5439/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của Chủ tịch UBND quận B; Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của Chủ tịch UBND thành phố H.

Nay người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện ông Tô Đ yêu cầu hủy Quyết định số 8331/QĐ-UBND ngày 07/12/2007 của Ủy ban nhân dân quận B; Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 6377/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H. Lý do: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04404 ngày 07/02/2006 có giá trị theo đúng quy định pháp luật và là căn cứ người sử dụng đất được nhận bồi thường 38,5 m² bị thu hồi.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có Văn bản số 1842/UBND-NCPC ngày 07/6/2021 ý kiến:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H giữ nguyên nội dung giải quyết tại Quyết định số 6377/QĐ-UBND ngày 15/12/2012.

Tại Văn bản số 1955/XD-ND ngày 17/12/1999 của Cục Xây dựng – Quản lý nhà đất – Tổng Cục Hậu cần về việc cấp chủ quyền nhà ở, đất ở cho Cán bộ quân đội chưa có hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu rõ: “*Thành phố xét cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho các trường hợp là Cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên trong quân đội phải đứng tên trong Quyết định giao đất do Thủ trưởng các đơn vị ký theo quy định của Bộ*

Quốc Phòng. Các trường hợp còn lại, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý theo quy định của Nhà nước và thành phố”.

Tại Văn bản số 10810/STC-HĐTĐBT-BVG ngày 19/10/2007 Hội đồng thẩm định bồi thường thành phố xác định pháp lý sử dụng đất của 19 hộ (trong đó có hộ ông Tô Đ) có nguồn gốc đất quân đội cấp nhưng đã lấn chiếm thêm ngoài diện tích được cấp và các hộ nhận chuyển nhượng bằng giấy tay có nguồn gốc lấn chiếm đất quân đội nên không đủ điều kiện để được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 44, 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Do đó, chỉ tính hỗ trợ cho 19 hộ nêu trên theo quy định tại điểm 1, Khoản 8, Điều 23 của Quyết định số 106/2005/QĐ-UBND ngày 16/6/2005 của UBND thành phố, cụ thể như sau: *“Các hộ tự lấn chiếm và xây dựng trái phép, hoặc chiếm dụng phòng công trình để làm nhà ở: Phải tự di dời về nơi ở cũ không điều kiện và tùy trường hợp được giải quyết trợ cấp một khoản tiền di dời, mức cụ thể do Hội đồng Bồi thường của dự án xem xét, quyết định nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng/hộ”.*

Như vậy, Nhà đất số 860/99 đường X, Phường E, quận B có nguồn gốc lấn chiếm đất quân đội và hành lang kênh rạch nên không đủ điều kiện để được bồi thường.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B có ý kiến:

Nguồn gốc đất tại hẻm 860 đường X, Phường E, quận B, trước năm 1975 là hành lang kho xăng dầu của chính quyền cũ.

Sau ngày giải phóng, đơn vị VK102 thuộc Cục Hậu cần Quân khu 7 tiếp quản và đăng ký quản lý sử dụng theo Chỉ thị 299/TTg ngày 11 tháng 10 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ. Trong quá trình sử dụng, Quân khu 7 đã cấp đất cho một số cán bộ - chiến sỹ của đơn vị để ở và tăng gia sản xuất.

Theo Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, dự án chống sạt lở kênh Thanh Đa – Đoạn 1.1 từ cầu Kinh đến khu doanh trại Quân đội tại Phường E, quận B có 51 trường hợp trong ranh phải giải tỏa di dời, trong đó có 19 trường hợp thuộc diện giải tỏa một phần, sử dụng đất có nguồn gốc của đơn vị VK102 thuộc Cục Hậu cần Quân khu 7 (trong đó có trường hợp của ông Tô Đ).

2. Về việc bồi thường, hỗ trợ:

Nhà đất số 860/99 đường X (Bình Quới), Phường E, quận B do ông Tô Đ và bà Kiều Thị Minh P là chủ sử dụng được Ủy ban nhân dân quận B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04404 ngày 07 tháng 02 năm 2006 với diện tích 213,1 m².

Theo Bản vẽ hiện trạng lập ngày 18/7/2006 của Công ty TNHH Đo đạc - Xây dựng - Thương mại Hưng Thịnh, Nhà đất số 860/99 đường X (Bình Quới),

Phường E, quận B có diện tích khuôn viên là 231,2m², trong đó phần diện tích giải tỏa là 54,7m².

Ngày 10/7/2007, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận B có Thông báo số 163/TB-VP về nội dung cuộc họp giải quyết vướng mắc dự án chống sạt lở Thanh Đa, thống nhất với Sở Tài nguyên và Môi trường như sau:

1. Đối với 19 hộ có nguồn gốc đất Quân đội cấp nhưng đã lấn chiếm thêm ngoài diện tích được cấp và các hộ mua đất bằng giấy tay có nguồn gốc lấn chiếm đất quân đội nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất (quy định tại Điều 44, 45 Nghị định 84/2007NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ), UBND quận sẽ có văn bản xin ý kiến Thành phố về mức hỗ trợ đối với các trường hợp trên.

2. Đối với các trường hợp đã được UBND Thành phố và Ủy ban nhân dân quận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, UBND quận sẽ làm việc với các Sở, ngành liên quan xác định tính pháp lý và thống nhất hướng giải quyết đối với các trường hợp này”.

Ngày 31/7/2007, UBND quận B có Công văn số 1189/UBND-BBT về việc áp dụng mức hỗ trợ về đất ở đối với trường hợp có nguồn gốc lấn chiếm, không đủ điều kiện được bồi thường đối với 19 hộ dân thuộc dự án chống sạt lở kênh Thanh Đa (đoạn 1.1) Phường E, quận B gửi Hội đồng Thẩm định bồi thường giải phóng mặt bằng Thành phố.

Ngày 19/10/2007, Hội đồng Thẩm định bồi thường Thành phố có Công văn số 10810/STC-HĐTĐBT-BVG gửi Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến pháp lý sử dụng đất và chính sách hỗ trợ của 19 hộ dân trong dự án chống sạt lở bờ kênh Thanh Đa tại Phường E, quận B. Theo đó, Hội đồng Thẩm định bồi thường Thành phố thống nhất tính hỗ trợ cho 19 hộ nêu trên theo quy định tại điểm c, khoản 8, Điều 23, Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H (ban hành kèm theo Quyết định số 106/2005/QĐ-UBND ngày 16/6/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố):

c) Các hộ lấn chiếm và xây dựng trái phép, hoặc chiếm dụng phòng, công trình để làm nhà ở:

- Phải tự di dời về nơi ở cũ không điều kiện và tùy trường hợp được giải quyết trợ cấp một khoản tiền di dời, mức cụ thể do Hội đồng bồi thường của dự án xem xét, quyết định nhưng không quá 10.000.000 đồng/hộ;

- Phần giá trị nhà tự xây dựng trước ngày 17/5/1995 thì được hỗ trợ 70% giá trị xây dựng; nếu xây dựng từ ngày 17/5/1995 đến trước ngày 22/4/2002 được xét hỗ trợ bằng 40% giá trị xây dựng mới; nếu xây dựng từ ngày 22/4/2002 trở về sau thì không được xét hỗ trợ và phải tháo dỡ không điều kiện”.

Ngày 31/10/2007, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Công văn số 7419/UBND-ĐTMT về giải quyết vướng mắc ở dự án chống sạt lở bờ kênh Thanh Đa, Phường E, quận B, theo đó chấp thuận đề nghị của Hội đồng Thẩm định Bồi

thường Thành phố tại Công văn số 10810/STC-HĐTĐBT-BVG ngày 19/10/2007.

Ngày 07/12/2007, UBND quận B ban hành Quyết định số 8331/QĐ-UBND về việc hỗ trợ và giải phóng mặt bằng một phần đối với căn nhà số 860/99, đường X, Phường E, quận B. Ngày 20 tháng 12 năm 2007 ông Tô Đ đã đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Căn cứ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 8331/QĐ-UBND ngày 07/12/2007 của UBND quận B: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với căn nhà số 860/99, đường X, Phường E, quận B là đúng quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền người khởi kiện trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện hủy các Quyết định số 8331/QĐ-UBND ngày 07/12/2007 của UBND quận B; Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 6377/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Ủy ban nhân dân quận B trình bày: Giữ nguyên Quyết định số 8331/QĐ-UBND ngày 07/12/2007 của UBND quận B; Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 6377/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tổ tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tổ tụng và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:*

[1.1] Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Tô Đ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 8331/QĐ-UBND ngày 07/12/2007 của UBND quận B; Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 6377/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

Thành phố H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu: Đơn khởi kiện của người khởi kiện và Đơn xác định yêu cầu khởi kiện bổ sung đều liên quan đến việc bồi thường diện tích đất bị thu hồi của nhà 860/99 Đường X, Phường E, quận B; thuộc dự án chống sạt lở kênh Thanh Đa, đoạn 1.1 từ hạ lưu cầu Kinh đến doanh trại quân đội, Phường E, quận B. Như vậy, còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận B, Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 và Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Căn cứ Khoản 2 Điều 43 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 8331/QĐ-UBND ngày 07/12/2007: Là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 6377/QĐ-UBND ngày 15/12/2012: Là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 20 Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02/12/1998; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 31/7/2012.

[2.2] Xét Quyết định số 8331/QĐ-UBND ngày 07/12/2007 của UBND quận B:

Theo Quyết định số 6300/QĐ-UBND ngày 07/9/2007 của Ủy ban nhân dân quận B: Về thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc dự án chống sạt lở kênh Thanh Đa, đoạn 1.1 từ hạ lưu cầu Kinh đến doanh trại quân đội, Phường E, quận B.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04404 ngày 07/02/2006 do Ủy ban nhân dân quận B cấp cho ông Tô Đ và bà Kiều Thị Minh P với diện tích 213,1m² đất thuộc thửa số 6, Tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ số 860/99 đường X, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Phương án tổng thể số 66/PA-UBND ngày 28/4/2006 của UBND quận B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án chống sạt lở kênh Thanh Đa – Đoạn 1.1 từ cầu Kinh đến khu doanh trại quân đội tại Phường E, quận B.

Theo Bản án phúc thẩm số 474/2018/HC-PT ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân Cấp cao: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Kiều Thị Minh P, ông Tô H). Hủy các Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 09/4/2012 của UBND Quận B về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04404 ngày 07/02/2006 của UBND Quận B; Quyết định giải quyết khiếu nại số 5439/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 của Chủ tịch UBND Quận B; Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của Chủ tịch UBND thành phố H.

Căn cứ Khoản 20 Điều 4 Luật đất đai năm 2003; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04404 ngày 07/02/2006 của UBND Quận B là chứng nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho người sử dụng đất để bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất là ông Tô Đ và bà Kiều Thị Minh P. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04404 ngày 07/02/2006 của UBND quận B có giá trị theo đúng quy định pháp luật, không bị đình chính, thu hồi.

Căn cứ Khoản 1 Điều 42 Luật Đất đai năm 2003: *“Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường...”*. Căn cứ Khoản 1 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ: Điều kiện để được bồi thường đất *“Người bị Nhà nước thu hồi đất, có một trong các điều kiện sau đây thì được bồi thường: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai”*.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Kiều Thị Minh P, ông Tô H yêu cầu hủy Quyết định số 8331/QĐ-UBND ngày 07/12/2007 của UBND quận B: Là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 6377/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị giữ nguyên Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 6377/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H: Là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009; Ủy ban nhân dân quận B, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn tạm ứng án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm đã nộp của ông Tô Đ cho ông Tô H và bà Kiều Thị Minh P (là người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của ông Tô Đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 60, Điều 116, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;
- Căn cứ Khoản 20 Điều 4, Khoản 1 Điều 42 Luật Đất đai năm 2003;
- Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;
- Căn cứ Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011;
- Căn cứ Điều 20 Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02/12/1998;
- Căn cứ Khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Kiều Thị Minh P, ông Tô H).

Hủy Quyết định số 8331/QĐ-UBND ngày 07/12/2007 của Ủy ban nhân dân quận B; Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 6377/QĐ-UBND ngày 15/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố H phải chịu số tiền án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố H phải chịu số tiền án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H phải chịu số tiền án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Hoàn 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AH/2011/04896 ngày 04/4/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận B cho ông Tô H và bà Kiều Thị Minh P (là người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của ông Tô Đ).

Hoàn 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AB/2012/01305 ngày 18/10/2013 của Chi

cục Thi hành án Dân sự quận B cho ông Tô H và bà Kiều Thị Minh P (là người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của ông Tô Đ).

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPH;
- VKSND Thành phố H;
- Cục Thi hành án dân sự TPH;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thụy Xuân Vinh